

Bản án số: 12/2018/HS-ST
Ngày 12-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hải Quỳnh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Kim Hoàng;

Bà Nguyễn Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Bích Ngọc - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Ông Đinh Quốc Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh – số 99 đường Trần Văn Kiểu, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh - xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:16/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Minh K; sinh ngày 24 tháng 7 năm 1988 tại tỉnh V; nơi đăng ký thường trú: ấp R, xã T, huyện V, tỉnh V; nghề nghiệp: bốc xếp; trình độ văn hoá (học vấn) 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt N; con ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị Đ ; có vợ là Trần Ngọc T và 01 con; tiền án: không, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 27/10/2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 26/10/2017, Trần Minh K nhận được điện thoại của người bạn tên T (không rõ lai lịch) ở Cà Mau nhờ K điện thoại cho 01 người đàn ông tên N (không rõ lai lịch) mua một bịch ma túy giá 2.900.000đồng và sẽ trả công cho K

300.000đồng, K đồng ý. T nói với K sẽ gửi tiền lên Thành phố Hồ Chí Minh thông qua chành xe TH ở Quận 11 và kêu K đến chành để lấy. Đến 08 giờ ngày 27/10/2017 K đón xe ôm đến chành xe TH để nhận 3.200.000đồng do T gửi lên. Sau đó, K điện thoại cho người đàn ông tên N (số điện thoại của N do T cung cấp) hỏi mua ma túy, N nói K đi đến cây xăng đường Tùng Thiện Vương, Quận 8 điện thoại lại cho N. K đón xe ôm đến điểm hẹn, điện thoại và chờ thì N điều khiển xe gắn máy (không biển số) đến chở K vào trong hẻm (không xác định). Tại hẻm, K đưa tiền cho N 2.900.000đồng và N đưa cho K 01 bọc ma túy đã được bỏ vào gói thuốc, xong N chở K đến cầu đi bộ số 6 phía Quận 8 để K đi về đến chân cầu vượt số 6 tại trước số 1462 Võ Văn K, Phường 1, Quận 6 thì bị công an Phường 1, Quận 6 kiểm tra, phát hiện bên trong túi quần phía trước bên trái của K có 01 gói nylon bên trong có chứa tinh thể màu trắng (K khai là ma túy đá) nên đưa K cùng tang tài vật về công an Phường 1 Quận 6 tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang. Vụ việc chuyển đến Công an Quận 6 thụ lý điều tra.

Tại Kết luận giám định số 169/KLGD-H ngày 07/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: *“Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Trần Minh K và hình dấu Công an phường 1, quận 6 gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,9766g (bốn phẩy chín bảy sáu sáu gam), loại Methamphetamine”*

Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 18/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trần Minh K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo K xác nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi như đã nêu trên. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên nội dung bản cáo trạng nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) tuyên bố bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù; không đề nghị phạt tiền vì xét bị cáo không có khả năng thực hiện; tịch thu tiêu hủy ma túy; tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Coolpad và số tiền 300.000đồng; trả lại cho bị cáo số tiền 200.000đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo K: bị cáo đã biết lỗi, ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm trở về lao động chân chính, lo cho con nhỏ và mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6 Thành

phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh:*

Ngày 27/10/2017, tại trước nhà số 1462 đường Võ Văn K, Phường 1, Quận 6, Trần Minh K có hành vi cất giữ ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,9766g (bốn phẩy chín bảy sáu sáu gam), loại Methamphetamine. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, K xác định đây là lượng ma túy trị giá 2.900.000đồng mà K mua dùm cho người đàn ông tên T sống tại Cà Mau (chưa xác định được lai lịch). Xem xét toàn bộ tài liệu và lời khai, Hội đồng xét xử nhận thấy không có tài liệu chứng cứ khác chứng minh K cất giữ lượng ma túy nêu trên để sản xuất, vận chuyển hay mua bán. Do đó, có đủ căn cứ xác định bị cáo K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa chữa, bổ sung năm 2009).

Tại thời điểm phạm tội, bị cáo K là người đã trưởng thành, có đủ khả năng điều khiển hành vi và nhận thức được việc cất giữ ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, khi được T cho 300.000đồng để đi mua ma túy dùm thì K vẫn cố ý phạm tội. Hành vi của bị cáo xâm phạm chính sách quản lý ma túy độc quyền của Nhà nước, là nguyên nhân giúp ma túy lan truyền rộng rãi nên cần có mức án nghiêm khắc, phù hợp với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo.

[3] *Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

Khi áp dụng hình phạt cần xem xét đến các tình tiết: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có cha là ông Trần Văn M là người có công với cách mạng (Quyết định số 6223/QĐ-SLĐTBXH ngày 31/5/2010 của Sở Lao động Thương binh Xã hội tỉnh V về việc chế độ trợ cấp một lần đối với đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 và Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ). Căn cứ điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa chữa, bổ sung năm 2009) để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

[4] *Về vật chứng:*

- 01 gói niêm phong bên ngoài có ghi vụ số 1699/17/Q.6 có chữ ký của giám định viên Trần Đình Hải và CBĐT Nguyễn Minh Tấn bên trong có chứa chất ma túy, căn cứ

điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 xét tịch thu tiêu hủy;

- 01 ĐTDĐ hiệu Coolpad, màn hình bị nứt, bên trong có sim thuê bao 01215658912, IMEI1 861275034654232, IMEI2 861275034658944: là tài sản của bị cáo K được bị cáo K dùng để liên lạc với T và N thực hiện hành vi phạm tội, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 xét tịch thu nộp ngân sách Nhà nước;

- Số tiền 500.000đồng, trong đó có 300.000đồng là tiền T cho bị cáo K để nhờ mua dùm ma túy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 xét tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 300.000đồng; 200.000đồng là tiền của bị cáo K không liên quan đến hành vi phạm tội, căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 trả lại cho bị cáo K số tiền 200.000đồng.

[5] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đối với người đàn ông tên T và N hiện chưa xác định được lai lịch, khi nào làm rõ, bắt được sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Trần Minh K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 28, Điều 33 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa chữa, bổ sung năm 2009):

Xử phạt: Trần Minh K 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/10/2017.

[2] Về vật chứng: áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa chữa, bổ sung năm 2009); điểm a, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Giao trả lại cho bị cáo K số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng;
- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong bên ngoài có ghi vụ số 1699/17/Q.6 có chữ ký của giám định viên Trần Đình Hải và CBĐT Nguyễn Minh Tấn;
- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) ĐTDĐ hiệu Coolpad, màn hình bị nứt, bên trong có sim thuê bao 01215658912, IMEI1 861275034654232, IMEI2 861275034658944; số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

(Số tang tài vật được ghi tại Phiếu nhập kho số 216/PNK ngày 30/11/2017 của Công an Quận 6).

[3] Về án phí: áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTPHCM
- VKSNDQ6;
- Công an Q6;
- CCTHADSQ6;
- Nhà tạm giữ Công an Q6;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hải Quỳnh Anh